

Vietnam Daily Review

Đường lên đỉnh 1500

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/3/2022		•	
Tuần 28/2-4/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: 1500 quả là một ngưỡng tâm lý quá lớn với nhà đầu tư khi mà VN-Index cứ loanh quanh tại vùng này mãi. Sau phiên hôm qua bị bên bán giành mất gần 9 điểm, hôm nay bên mua lấy lại đứng gần 9 điểm đó, VN-Index kết phiên tại ngưỡng 1498.78 với thanh khoản cải thiện so với phiên hôm qua. Nhóm cổ phiếu Bất động sản, Xây dựng có một phiên giao dịch khởi sắc với nhiều mã tăng mạnh, trong khi sự phân hóa lại diễn ra ở nhóm ngành Thép, Dầu khí và Ngân hàng. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, VN-Index có khả năng tiếp tục tích lũy quanh ngưỡng tâm lý 1500 này trước khi có thể bật tăng và phá vỡ những ngưỡng kháng cự tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HĐTL.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/03/2022, phần lớn các chứng quyền diễn biến trái chiều với xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: GVR_Tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.65** điểm, đóng cửa **1498.78** điểm. HNX-Index **+3.14** điểm, đóng cửa **443.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.16)**, **GVR (+1.62)**, **DIG (+0.80)**, **VCB (+0.59)**, **SSB (+0.58)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BCM (-0.53)**, **MBB (-0.37)**, **HPG (-0.34)**, **PLX (-0.31)**, **SAB (-0.28)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24.843** tỷ đồng, tăng **9.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26.312 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 10.25 điểm. Thị trường có **247** mã tăng, 51 mã tham chiếu và **204** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **144.05** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (372.596 tỷ)**, **NLG (63.010 tỷ)**, **VND (54.743 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.69** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1498.78**
Giá trị: 24843.38 tỷ **8.65 (0.58%)**
Khối ngoại (ròng): 144.05 tỷ

HNX-INDEX **443.56**
Giá trị: 3507.62 tỷ **3.14 (0.71%)**
Khối ngoại (ròng): -27.69 tỷ

UPCOM-INDEX **112.38**
Giá trị: 1454.14 tỷ **0.18 (0.16%)**
Khối ngoại(ròng): 5.69 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	98.3	2.72%
Giá vàng	1,915	0.30%
Tỷ giá USD/VND	22,814	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,609	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	19,851	0.01%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	5.79%
LS TPCP 5 năm	1.6%	-6.06%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	372.6	HPG	-287.4
NLG	63.0	VIC	-81.4
VND	54.9	KBC	-56.0
MBB	39.7	HDB	-54.1
TPB	39.6	CTG	-32.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

GVR_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GVR nằm trong xu hướng hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng hỗ trợ 34.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và RSI đều đang cho thấy xu hướng hồi phục tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt ngưỡng MA20 và MA50 trong phiên giao dịch hôm nay, cho thấy đà tăng trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 35.70, chốt lãi tại ngưỡng 40.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 34.0.

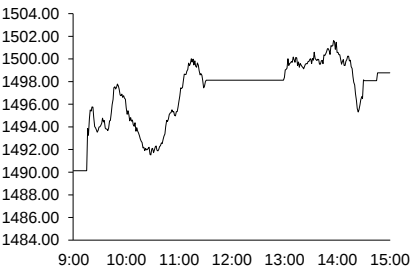
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	2.30%
Truyền thông	1.88%
Bảo hiểm	1.62%
Bất động sản	1.36%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.07%
Xây dựng và Vật liệu	0.56%
Thực phẩm và đồ uống	0.50%
Y tế	0.44%
Dịch vụ tài chính	0.38%
Du lịch và Giải trí	0.31%
Ô tô và phụ tùng	0.31%
Bán lẻ	0.19%
Công nghệ Thông tin	0.17%
Ngân hàng	0.16%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.10%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.05%
Viễn thông	0.00%
Tài nguyên Cơ bản	-0.16%
Dầu khí	-1.07%

Hình 1

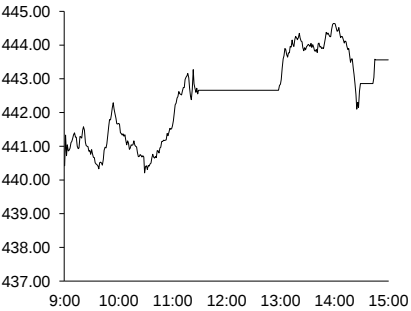
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

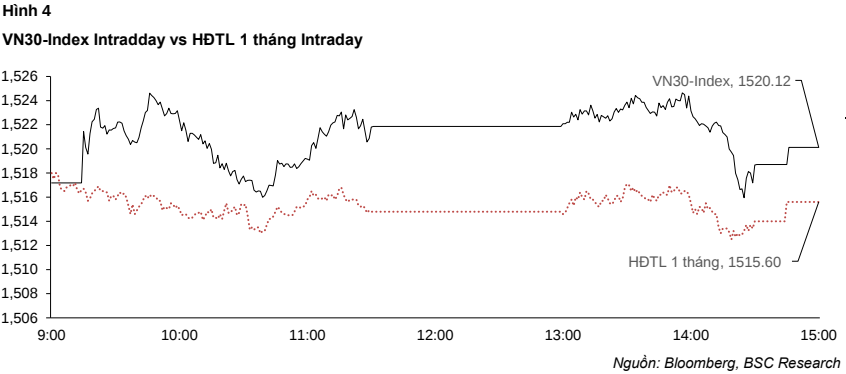
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	39	1	1.69%	Có thể tiếp tục mua
25/2/22	VGT	27	33	24	26.5	4	-1.85%	Có thể tiếp tục mua
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	24.4	5	3.83%	Có thể tiếp tục mua
23/2/22	PVT	24.8	29	23	25	6	0.81%	Có thể tiếp tục mua
22/2/22	CTD	96.1	110	93	95.8	7	-0.31%	Có thể giữ nguyên vị thế
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	27.7	8	-4.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	18.9	11	-4.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.2	14	-3.38%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	47.5	19	-0.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.9	21	2.96%	Có thể tiếp tục mua
25/1/22	GAS	109.5	121	106	117.7	35	7.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	80.3	41	1.52%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
28/1/22	MBS	32.5	37.9	31.9	TP	31	16.62%
27/1/22	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
20/1/22	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
18/1/22	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
17/1/22	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
13/1/22	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	6	1.27%	-2.44%	0.30%	16
Cổ phiếu đã chốt	236	177	7.77%	-7.34%	5.15%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1515.60	0.29%	-4.52	-18.7%	104,548	3/17/2022	18
VN30F2204	1512.50	0.15%	-7.62	-55.8%	103	4/21/2022	53
VN30F2206	1506.30	0.09%	-13.82	-51.7%	29	6/16/2022	109
VN30F2209	1502.20	-0.15%	-17.92	-72.2%	32	9/15/2022	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 2.94 điểm lên 1520.12 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VNM, TPB, VHM, KDH đã tác động tích cực đến vận động của VN30. Xu hướng đi ngang của VN30 vẫn đang cho thấy đà tăng khá yếu và có thể tiếp tục điều chỉnh về ngưỡng 1500 điểm trong các phiên giao dịch tới.
- Các HDTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HDTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HD đều tăng, trừ VN30F2206. Điểm số tăng và lượng hợp đồng mở tăng cho thấy xu hướng tích lũy theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HDTL.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2111	4/20/2022	50	4:1	194,600	32.78%	2,300	1,930	7.22%	1,098	1.76	45,840	34,000	37,750
CKDH2107	4/27/2022	57	8:1	280,700	34.83%	1,300	1,460	5.04%	1,338	1.09	52,588	43,888	54,100
CTPB2101	4/6/2022	36	3.703:1	36,600	40.98%	2,500	3,180	4.26%	2,610	1.22	34,273	33,333	42,800
CPNJ2201	9/20/2022	203	8:1	345,000	30.71%	2,300	2,670	3.09%	2,024	1.32	142,900	95,500	105,000
CMWG2111	4/8/2022	38	10:1	584,400	30.80%	1,900	1,300	2.36%	923	1.41	133,293	130,000	136,000
CMSN2110	4/8/2022	38	9.987:1	401,700	36.76%	2,200	1,970	1.03%	1,726	1.14	142,299	142,000	156,500
CMWG2104	3/22/2022	21	6.644:1	7,000	30.80%	2,400	7,200	0.70%	7,002	1.03	91,479	135,000	136,000
CPNJ2106	3/14/2022	13	4.968:1	14,000	30.71%	2,600	1,680	0.60%	1,606	1.05	134,951	98,000	105,000
CTCB2105	5/4/2022	64	5:1	938,000	30.78%	3,600	1,810	0.00%	1,251	1.45	56,458	45,000	50,300
CVRE2105	5/4/2022	64	5:1	127,300	37.30%	1,200	1,240	0.00%	877	1.41	67,200	30,000	33,500
CMSN2104	5/4/2022	64	9.987:1	94,700	36.76%	5,200	4,000	-1.23%	3,991	1.00	118,110	0	156,500
CSTB2202	9/20/2022	203	2:1	107,400	37.82%	2,700	3,940	-1.99%	2,863	1.38	63,420	29,500	32,650
CSTB2112	5/24/2022	84	1:1	32,200	37.82%	3,800	4,730	-3.07%	3,386	1.40	37,820	31,000	32,650
CMBB2201	9/20/2022	203	2:1	521,000	30.16%	2,700	4,180	-3.69%	3,087	1.35	40,380	29,500	34,000
CVRE2109	3/7/2022	6	4:1	472,900	37.30%	1,100	1,140	-5.00%	1,130	1.01	81,900	29,000	33,500
CMBB2107	4/8/2022	38	2:1	445,200	30.16%	2,200	2,610	-5.43%	2,139	1.22	55,040	30,000	34,000
CSTB2109	3/7/2022	6	2:1	920,600	37.82%	2,300	1,850	-7.50%	1,835	1.01	40,040	29,000	32,650
CMWG2108	3/14/2022	13	5:1	14,100	30.80%	3,500	2,440	-7.92%	2,093	1.17	130,192	126,000	136,000
CMSN2107	3/14/2022	13	4.993:1	2,600	36.76%	3,100	1,950	-18.75%	1,689	1.15	151,259	150,000	156,500
CVPB2108	7/3/2022	124	2.776:1	695,300	32.78%	2,200	720	-28.71%	726	0.99	53,570	64,500	37,750
Tổng				6,040,700	34.39%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/03/2022, phần lớn các chứng quyền diễn biến trái chiều với xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CVNM2113 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 51.64% và 15.00%. Giá trị giao dịch giảm -21.35%. CMBB2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.42% thị trường.
- CVHM2115, CTCB2201, CPNJ2201, CTPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2110, CMSN2108, CMWG2112 và CPNJ2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104 và CTPB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	136.0	0.0%	0.8	4,215	7.2	6,936	19.6	4.8	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	105.0	1.9%	1.0	1,038	5.2	4,543	23.1	4.0	48.3%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	59.8	1.2%	1.4	1,930	4.1	2,501	23.9	2.1	26.5%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	51.4	3.2%	0.5	523	1.5	3,543	14.5	1.6	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	79.2	2.9%	0.7	13,133	11.8	(759)	N/A	N/A	3.0	13.0%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.5	0.0%	1.1	3,310	5.9	578	57.9	2.5	30.0%	4.4%	
VHM	Bất động sản	78.0	0.6%	1.1	14,767	8.3	9,048	8.6	2.6	23.9%	36.4%	
DXG	Bất động sản	43.2	2.1%	1.3	1,119	19.8	1,941		2.9	31.3%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	46.0	0.7%	1.5	1,986	17.5	2,768	16.6	3.2	39.0%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	63.5	1.8%	1.0	919	9.5	4,512	14.1	3.2	20.6%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	37.9	0.7%	1.5	753	5.7	2,805	13.5	2.4	44.2%	19.5%	
FPT	Công nghệ	93.4	0.1%	0.9	3,685	4.5	4,354	21.5	4.7	49.0%	25.7%	
FOX	Công nghệ	71.2	0.1%	0.4	1,016	0.0	4,304	16.5	5.0	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	117.7	-0.3%	1.3	9,794	5.3	4,381	26.9	4.4	3.0%	17.4%	
PLX	Dầu khí	61.3	-1.6%	1.5	3,386	9.6	2,337	26.2	3.1	17.1%	12.3%	
PVS	Dầu khí	35.0	0.3%	1.6	727	17.4	1,260	27.8	1.4	9.2%	5.0%	
BSR	Dầu khí	27.9	-0.4%	0.8	3,761	14.2	(909)		2.8	41.1%	-8.7%	
DHG	Dược	112.1	-0.4%	0.4	637	0.1	5,720	19.6	3.9	54.3%	20.3%	
DPM	Hóa chất	56.8	-1.4%	0.8	966	27.2	7,914	7.2	2.1	8.9%	33.5%	
DCM	Hóa chất	36.9	-0.3%	0.7	849	18.9	3,313	11.1	2.6	6.0%	25.3%	
VCB	Ngân hàng	85.0	0.6%	1.1	17,490	4.8	5,005	17.0	3.6	23.7%	21.4%	
BID	Ngân hàng	44.1	0.9%	1.3	9,699	4.6	2,090	21.1	2.7	16.9%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	33.3	0.5%	1.4	6,958	11.2	2,940	11.3	1.7	26.0%	15.9%	
VPB	Ngân hàng	37.8	-0.7%	1.2	7,296	27.7	2,667	14.2	2.1	15.2%	18.0%	
MBB	Ngân hàng	34.0	-1.2%	1.2	5,585	24.4	3,362	10.1	2.2	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	33.9	-0.1%	1.0	3,977	8.2	3,554	9.5	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	63.3	-1.2%	0.7	225	0.4	2,618	24.2	2.3	85.5%	9.0%	
NTP	Nhựa	61.8	-1.7%	0.4	317	0.5	3,951	15.6	2.7	17.9%	17.6%	
MSR	Tài nguyên	27.6	-2.5%	0.8	1,319	1.2	39	707.7	2.2	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	46.9	-0.6%	1.1	9,121	48.3	7,708	6.1	2.3	23.2%	46.1%	
HSG	Thép	39.0	1.7%	1.4	837	38.9	8,581	4.5	1.7	6.8%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	79.2	1.0%	0.6	7,197	4.4	4,518	17.5	5.0	54.3%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	168.0	-1.1%	0.8	4,684	0.3	5,663	29.7	5.1	62.7%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	156.5	0.3%	0.8	8,033	2.4	7,257	21.6	5.6	28.8%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	23.0	1.8%	1.3	629	4.5	1,097	21.0	1.7	7.2%	7.8%	
ACV	Vận tải	95.3	-0.6%	0.8	9,020	0.1	577	165.2	5.5	3.7%	3.4%	
VJC	Vận tải	140.9	0.6%	1.1	3,318	4.9	2,271		4.5	16.7%	7.7%	
HVN	Vận tải	25.4	0.2%	1.7	2,445	3.6	(6,523)		23.5	6.1%	-267.4%	
GMD	Vận tải	50.0	0.6%	1.0	655	4.9	1,846	27.1	2.4	44.1%	9.1%	
PVT	Vận tải	25.0	0.4%	1.4	352	5.0	2,066	12.1	1.6	12.3%	13.3%	
VCS	Vật liệu xây dựng	107.0	-0.4%	0.8	744	0.2	10,538	10.2	3.5	3.8%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	53.9	2.7%	0.5	1,051	3.7	2,738	19.7	3.4	4.0%	18.2%	
HT1	Vật liệu xây dựng	22.9	0.7%	0.9	380	2.2	969	23.6	1.7	1.9%	7.0%	
CTD	Xây dựng	95.8	-1.0%	1.1	308	1.5	310	308.5	0.9	46.6%	0.3%	
CII	Xây dựng	33.4	3.7%	0.7	352	13.2	(1,434)	N/A	N/A	1.6	11.0%	-7.1%
REE	Điện	74.7	-1.2%	-1.4	1,004	1.2	6,001	12.4	1.7	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	38.7	-0.3%	-0.4	396	1.9	2,997	12.9	1.9	5.0%	15.9%	
POW	Điện	17.5	0.6%	0.6	1,777	19.9	759	23.0	1.4	2.5%	6.1%	
NT2	Điện	23.2	0.9%	0.6	290	0.5	1,778	13.0	1.6	14.0%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	57.5	0.2%	1.2	1,424	17.4	1,593	36.1	2.4	18.6%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	76.9	-3%	1.1	3,461	2.2			5.1	2.6%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	79.20	2.86	2.15	3.47MLN
GVR	35.70	4.54	1.59	4.76MLN
DIG	92.00	6.98	0.77	7.36MLN
VCB	85.00	0.59	0.61	1.30MLN
SSB	36.90	4.24	0.57	2.36MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BCM	0.00	-0.56	641300	1.11MLN
MBB	0.00	-0.39	16.32MLN	607060
HPG	0.00	-0.34	23.37MLN	373600
PLX	0.00	-0.33	3.58MLN	192700
SAB	0.00	-0.30	42900	611640

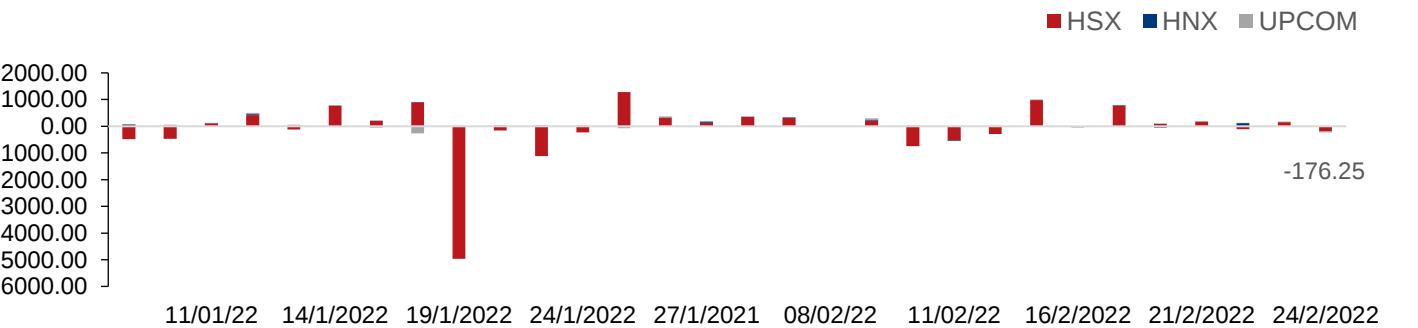
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFG	21.40	7.00	0.02	130700.00
DQC	52.00	7.00	0.03	623800
YEG	29.10	6.99	0.02	533900
PTC	79.70	6.98	0.02	1.03MLN
DIG	92.00	6.98	0.77	7.36MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VMD	38.85	-6.95	-0.01	297700
MDG	16.55	-6.76	0.00	15400
TTE	14.90	-6.58	-0.01	500.00
HAX	36.00	-5.26	-0.03	1.18MLN
VRC	34.00	-5.03	-0.02	141700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	37.4	1,006	37.2	2.0	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	40.7	1,968	20.7	2.0	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.9	-909	#N/A N/A	2.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	71.8	362	198.4	6.2	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	95.8	310	308.5	0.9	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	78.0	7,200	10.8	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	36.9	3,313	11.1	2.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	163.2	13,121	12.4	4.6	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	63.0	5,715	11.0	2.9	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.4	2,450	13.2	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	43.2	1,941	22.3	2.9	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	24.0	949	25.3	1.4	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.2	1,454	11.8	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.4	4,354	21.5	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	117.7	4,381	26.9	4.4	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	117.7	4,381	26.9	4.4	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	36.0	3,134	11.5	2.5	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.9	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	39.0	8,581	4.5	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	28.5	157	181.8	2.6	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.1	1,520	11.9	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.1	1,520	11.9	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	15.0	689	21.8	1.1	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	54.1	1,833	29.5	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	52.6	5,898	8.9	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	80.7	8,820	9.1	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	136.0	6,936	19.6	4.8	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	45.3	10,793	4.2	1.7	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	56.5	3,055	18.5	2.4	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.2	1,778	13.0	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.7	2,997	12.9	1.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.0	4,543	23.1	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.0	4,543	23.1	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	17.5	759	23.0	1.4	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	51.4	3,543	14.5	1.6	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	35.0	1,260	27.8	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.9	1,064	34.7	3.8	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.0	14,369	2.9	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	81.4	3,013	27.0	5.6	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.4	2,375	10.3	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.5	570	46.5	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	78.0	6,052	12.9	2.5	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	79.2	4,518	17.5	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.5	578	57.9	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	42.0	3499.1	12.0	1.8	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.5	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639